

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội

VĐL: 50.000.000.000 VND

-----*-----



TÀI LIỆU HỌP

CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Họp ngày 20 tháng 3 năm 2023

Tháng 3/2023



DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Ngày 20/3/2023

THỜI GIAN	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	THỰC HIỆN
7h30 - 8h00	Đón tiếp Đại biểu và phát tài liệu	Ban tổ chức
8h00 - 8h10	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của cổ đông đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện tiến hành tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	Ban Kiểm soát
8h10 - 8h20	Khai mạc	Đoàn Chủ tọa
8h20 - 8h30	Giới thiệu và bầu Ban Thư ký, bầu Ban Kiểm phiếu	
8h30 - 8h40	Thông qua Chương trình họp	
8h40 - 9h	Thông qua Quy chế biểu quyết	Ban Kiểm phiếu
9h00 - 9h30	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị	Đoàn Chủ tọa
9h30 - 10h	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty	
10h00 - 10h15	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022	
10h15 - 10h30	Thông qua về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023	
10h30 - 11h	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	Ban Kiểm soát
11h00 - 11h05	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	
11h05 - 11h10	Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm	Đoàn Chủ tọa
11h10 - 11h15	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	Đoàn Chủ tọa
11h15 - 11h20	Thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty	Đoàn Chủ tọa
11h20 - 11h45	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	Đoàn Chủ tọa
11h45 - 12h00	Thông qua Nghị quyết, Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông	Ban Thư ký
12h00 - 12h15	Bế mạc	Đoàn Chủ tọa

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

545-C.1
T. PH. AN
ÔNG
INA
IAM
T. PH. AN

DỰ THẢO QUY CHẾ BIỂU QUYẾT

TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam; Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam thực hiện biểu quyết thông qua các quyết định theo nội dung quy định dưới đây:

Điều 1: Đối tượng áp dụng

- Cổ đông và đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng là ngày 20/2/2023.

Điều 2: Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu gồm 03 người do Đoàn Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm: Giới thiệu dự thảo Quy chế biểu quyết, phiếu biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả biểu quyết trước hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3: Phiếu và cách thức biểu quyết thông qua các quyết định

1. Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại ngày tổ chức họp. Mỗi cổ đông được cấp 01 (một) bộ phiếu biểu quyết bao gồm 03 lá phiếu biểu quyết là: “Tán thành” - Màu Xanh, “Không tán thành” - Màu Hồng, “Không có ý kiến” - Màu Trắng; trên lá Phiếu biểu quyết đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
(Khi nhận phiếu biểu quyết tham dự hội nghị, cổ đông phải kiểm tra lại xem tổng số phiếu biểu quyết ghi trên các tờ phiếu có đúng bằng số cổ phần mình đã đăng ký hay không. Nếu không đúng thì gặp ngay Ban tổ chức để kiểm tra và xác nhận lại.)
2. Dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa, cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông biểu quyết 01 (một) ý kiến “Tán thành”, hoặc “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” đối với mỗi một vấn đề bằng cách giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại hội nghị. Khi tiến hành biểu quyết từng nội dung tại hội nghị: các cổ đông biểu quyết tán thành thông qua thì giơ lá phiếu biểu quyết màu Xanh lên cao, nếu không tán thành hoặc không có ý kiến thì sẽ chưa biểu quyết lần này; tiếp theo tương tự đối với ý kiến biểu quyết không tán thành và không có ý kiến sẽ lần lượt giơ cao lá phiếu màu Hồng hoặc màu Trắng tương ứng.
3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu không do Ban tổ chức phát hành, phiếu có gạch xóa, sửa chữa nội dung mà không có xác nhận.

Điều 4: Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu và điều kiện để nghị quyết được thông qua.

1. Đối với biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: cứ 01 (một) cổ phần tương đương với 01 (một) quyền biểu quyết.
2. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ ghi tổng hợp lại số phiếu biểu quyết lần lượt của các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến của mỗi cổ đông tham gia biểu quyết đối với mỗi nội dung tham gia biểu quyết tương ứng.
 - + Trường hợp đại biểu không giơ Phiếu biểu quyết trong cả ba lần giơ Phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến của một nội dung thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - + Trường hợp đại biểu giơ cao Phiếu biểu quyết nhiều hơn một lần khi biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một nội dung thì được xem như biểu quyết không hợp lệ
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, gồm: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 5: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.

- Nội dung biên bản kiểm phiếu biểu quyết bao gồm: tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, số và tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành, phiếu biểu quyết không tán thành và phiếu biểu quyết không có ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6:

- Những khiếu nại về việc biểu quyết sẽ do Đoàn Chủ tọa giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Bản dự thảo Quy chế này được đọc công khai trước hội nghị Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hải

Số: 22/BC-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin trân trọng báo cáo với Đại hội về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị, như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022.

1. Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022.

Hội đồng quản trị hoạt động có 03 thành viên, gồm: ông Nguyễn Thanh Hải là Chủ tịch HĐQT, ông Tô Chí Thành và ông Trần Hữu Hồng Trường là Ủy viên HĐQT.

Trong năm 2022, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; tổ chức 12 cuộc họp bằng hình thức trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản để tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề trọng tâm liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, như: triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; kiểm điểm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty 6 và 9 tháng đầu năm, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả; đồng thời chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT trong năm 2022; thống nhất các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và theo đề xuất, kiến nghị của Tổng Giám đốc. Các nghị quyết, quyết định được HĐQT thống nhất và ban hành đúng với quy định, giúp Công ty tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD đạt hiệu quả.

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2022, gồm:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Quyết định số 09/QĐ-HĐQT	19/3/2022	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	Đại hội đồng cổ đông thông qua 100%
2	Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT	15/02/2022	Thông qua ngày tổ chức họp, nội dung chương trình và tài liệu họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100%
3	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	30/3/2022	Thông qua về việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 về chi trả cổ tức bằng tiền năm tài chính 2021 và chi trả thủ lao năm 2021 cho HĐQT, BKS	100%
4	Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT	25/5/2022	Thông qua Hợp đồng kinh tế ký kết giữa Liên danh VINA OFC- TELVINA với Công ty Dịch vụ vật tư	100%
5	Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT	31/5/2022	Thông qua Hợp đồng kinh tế ký kết giữa Liên danh VINA OFC- TELVINA với Công ty Dịch vụ vật tư	100%
6	Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT	11/7/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ.	100%
7	Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT	11/7/2022	Thông qua về việc vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).	100%
8	Quyết định số 42/QĐ-HĐQT	20/7/2022	Về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.	100%
9	Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT	28/7/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).	100%
10	Quyết định số 48/2022/QĐ- HĐQT	12/9/2022	Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.	100%
11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT	11/10/2022	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022.	100%
12	Nghị quyết số 76/NQ-HĐQT	23/12/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%

2. Đánh giá về hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2022.

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, mỗi thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong việc lập và triển khai kế hoạch hoạt động năm, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT; chỉ đạo quản lý và giám sát các hoạt động triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT đã tích cực thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát và chỉ đạo triển khai các lĩnh vực hoạt động nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty đạt hiệu quả tối ưu nhất.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

* Về thù lao: trong năm 2022, Công ty chưa thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị.

* Về các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị: trong năm 2022, Công ty đã chi hoạt động của HĐQT với tổng số tiền là 20.000.000 đồng/năm.

* Về lợi ích khác của Hội đồng quản trị: không có.

* Về các chi phí hoạt động của thành viên HĐQT: trong năm 2022, Công ty đã chi phí hoạt động cho từng thành viên với tổng số tiền là 10.000.000 đồng/người/năm

* Về lợi ích khác của thành viên HĐQT: không có.

4. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan trong năm 2022.

4.1. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.

4.2. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

4.3. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): trong năm, Công ty có giao dịch mua bán hàng hóa với 02 đơn vị là Công ty cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA-OFC, Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long có thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đã và

đang là thành viên HĐQT của các đơn vị đó, nội dung chi tiết nêu tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022 và đã được công bố thông tin.

4.4. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: trong năm, Công ty có giao dịch mua bán hàng hóa với đơn vị Công ty TNHH MTV Cơ điện ELMACO có người có liên quan của Kế toán trưởng Công ty là Giám đốc điều hành của đơn vị đó, nội dung chi tiết nêu tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022 và đã được công bố thông tin.

5. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty:

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty đã thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ Công ty.
- Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã phê duyệt và ban hành.
- Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản lý tại Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty, cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

6. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022.

Năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

6.1. HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.

Năm 2022, Công ty tiếp tục có nhiều khó khăn trong công tác bán hàng do sản phẩm Công ty đang sản xuất mang tính đơn ngành, kết quả doanh thu phụ thuộc hoàn toàn vào kế hoạch phát triển mạng lưới và đầu tư của nhà mạng viễn thông, truyền hình. Tỷ giá USD trong năm tăng cao hơn 8,4% so với năm 2021 khiến giá nguyên liệu đầu vào nhập khẩu cao, dẫn đến giá thành sản xuất tăng, chi phí tài chính tăng, trong khi giá bán không được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế thị trường và sự khó khăn do các vấn đề hậu đại dịch covid như: thiếu hụt nhân sự, logistic toàn cầu khó khăn, áp lực với chuỗi cung ứng toàn cầu... khiến nguồn cung nguyên liệu nhiều thời điểm khan hiếm, khủng hoảng kinh tế, lạm phát... khiến các Nhà mạng viễn thông cắt giảm hoặc chậm triển khai đầu tư, khiến thị trường sụt giảm, cạnh tranh khốc liệt về giá thành. Sự hạn chế về nguồn vốn kinh doanh cũng là một trong những yếu tố làm giảm khả năng tham gia thực hiện các gói thầu/hợp đồng có thời hạn thanh toán kéo dài như với các

đơn vị trong lĩnh vực truyền hình. Thiết bị máy móc sau hơn mười năm khai thác bắt đầu đến chu kỳ phải sửa chữa và thay thế ngày càng nhiều hơn. Nhận định tình hình sẽ rất khó khăn, ngay từ đầu năm HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo sát sao thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí giảm giá thành, đẩy mạnh công tác bán hàng, quản lý hiệu quả dòng tiền và áp dụng điều khoản thanh toán ít rủi ro, tổ chức quản lý và điều độ sản xuất để tiết kiệm vật tư, hạn chế tối đa sản phẩm không phù hợp, phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 đạt được kết quả tối ưu nhất, cụ thể: chỉ tiêu tổng doanh thu đạt được 193,1 tỷ đồng = 87,8% kế hoạch 2022, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN đạt được 1,15 tỷ đồng = 33,8% kế hoạch 2022, chỉ tiêu tỷ suất LNST/VCSH đạt được 2,32% = 33,8% kế hoạch 2022; chỉ tiêu cổ tức năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông chi trả là 2,12% = 35,3% kế hoạch năm 2022.

6.2. HĐQT đã chỉ đạo trích lập các quỹ, chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và hoàn thành chi trả cổ tức năm tài chính 2021 cho các cổ đông với tỷ lệ 5,67% trên mệnh giá cổ phiếu, tương ứng với số tiền 2.800.980.000 đồng.

6.3. HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành các nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022.

PHẦN II

BÁO CÁO KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức trực tiếp, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2023 trong toàn Công ty, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị thống nhất trình ĐHĐCĐ thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh thực hiện trong năm 2023, như sau:

- ✚ Tổng doanh thu: 190 tỷ đồng.
- ✚ Nộp ngân sách Nhà nước: 10,5 tỷ đồng.
- ✚ Tổng lợi nhuận sau thuế: 2,5 tỷ đồng.
- ✚ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư chủ sở hữu: 5%.
- ✚ Tỷ lệ chi trả cổ tức: 4,0%/cổ phiếu.

2. Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp trọng tâm nhằm khai thác các nguồn lực hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm,

mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời bảo toàn vốn của Công ty.

3. Thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong triển khai các kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh, kế hoạch đầu tư và phát triển, cũng như quá trình thực hiện các biện pháp chính trong thực hiện nhiệm vụ nêu tại Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

Số: 23/BC-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA CÔNG TY CP VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Kết thúc một năm hoạt động, được sự ủy quyền của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty.

Phần I: BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với	
				KH 2022	TH 2021
1	Tổng doanh thu	220.000	193.112	87,8%	91,9%
	Trong đó:				
	- Tổng doanh thu trong VNPT	83.000	75.411	90,9%	92,4%
	- Tổng doanh thu ngoài VNPT	137.000	117.701	85,9%	90,5%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.420	1.159	33,8%	36,2%
3	Nộp ngân sách nhà nước	14.050	11.812	84,1%	84,1%
4	Tỷ lệ cổ tức	6,0%	Dự kiến 2,12%	35,3%	37,4%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,84%	2,32%	33,8%	36,2%

2. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số đầu năm	Số cuối năm Tại 31/12/2022
I	Tổng tài sản	Đồng	115.038.598.308	123.400.964.809
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	105.373.896.357	115.205.280.752
2	Tài sản dài hạn	Đồng	9.664.701.951	8.195.684.057
II	Tổng nguồn vốn	Đồng	115.038.598.308	123.400.964.809
1	Nợ phải trả	Đồng	32.822.590.114	43.222.756.669
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	82.216.008.194	80.178.208.140

* Các chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	8,4	6,6
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	91,6	93,4
1.2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,53	35,0
	- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,47	65,0
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,25	3,25
2.2	Khả năng thanh toán nợ nhanh	Lần	2,71	1,67
2.3	Khả năng thanh toán nợ bằng tiền	Lần	0,99	0,35

3. Đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2022.

3.1. Một số khó khăn và hạn chế.

Trong năm, Công ty chủ yếu thực hiện các đơn hàng đã ký kết với đơn vị ngoài Tập đoàn VNPT với chỉ số doanh thu ngoài VNPT chiếm tỷ trọng 61%/tổng doanh thu, kết quả không đạt kế hoạch là do sản phẩm công ty đang cung cấp có đặc thù là sản phẩm công nghiệp, nhu cầu của thị trường thay đổi theo từng giai đoạn và phụ thuộc hoàn toàn vào kế hoạch phát triển mạng lưới và đầu tư của nhà mạng viễn thông, truyền hình.

Doanh thu trong Tập đoàn VNPT đạt 75,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 39%/tổng doanh thu, kết quả không đạt kế hoạch là do gói thầu mua sắm tập trung dây thuê bao

quang chưa được thực hiện; gói thầu mua sắm tập trung cấp quang với doanh thu kế hoạch được xây dựng dựa trên tính toán chu kỳ đầu tư mua sắm theo năm của Tập đoàn, tuy nhiên gói thầu mới bắt đầu được triển khai đầu thầu vào tháng 04/2022, ký hợp đồng cuối tháng 5/2022 và tới đầu tháng 6/2022 mới bắt đầu triển khai đơn hàng đầu tiên.

✚ Trong 6 tháng đầu năm, do các hợp đồng mua sắm tập trung của Tập đoàn VNPT mới bắt đầu triển khai đơn hàng đầu tiên vào đầu tháng 06/2022, nên Công ty chủ yếu tìm kiếm doanh thu từ thị trường ngoài VNPT và duy trì sản xuất ở mức cầm cự với giá trị doanh thu đạt 72,17 tỷ. Sang tới Quý III/2022, với việc hợp đồng mua sắm tập trung của Tập đoàn VNPT đã được triển khai cùng sự nỗ lực của Công ty trong việc tiếp tục phát triển doanh thu thị trường ngoài Tập đoàn VNPT, doanh thu Quý III/2022 đạt 57,7 tỷ, với mức tăng trưởng đạt 162% so với doanh thu bình quân Quý của 6 tháng đầu năm 2022.

✚ Tình hình kinh tế - chính trị thế giới có nhiều biến động, các vấn đề hậu đại dịch covid như: thiếu hụt nhân sự, logistic toàn cầu khó khăn, áp lực với chuỗi cung ứng toàn cầu... khiến nguồn cung nguyên liệu khan hiếm, giá xăng dầu tăng cao, lạm phát ở hầu hết các quốc gia trên thế giới có xu thế tăng cao liên tục, kèm theo đó là hậu quả từ các cấm vận do tình hình chiến sự ở khu vực Đông Âu trong thời gian qua và các thay đổi trong chính sách quản lý của các quốc gia lớn trên Thế giới đã dẫn tới các hệ lụy như:

✓ Nhiều nguyên liệu rơi vào tình trạng khan hiếm và giá tăng cao do tình hình chiến sự ở Đông Âu (như: nhựa, dầu..);

✓ Giá và nguồn cung nguyên liệu Thép biến động do Chính sách của chính phủ Trung Quốc trong việc hạn chế sản xuất, cắt giảm xuất khẩu, tăng thuế xuất khẩu, loại bỏ sự hỗ trợ về giá đối với doanh nghiệp xuất khẩu (hoàn thuế)...;

✓ Giá nguyên liệu nói chung có biến động lớn, trong năm 2022, giá vật tư đầu vào phục vụ sản xuất cấp quang tăng bình quân 20% so với đơn giá cùng kỳ năm 2021.

✓ Chi phí vận chuyển trong nước tăng cao trên 40% so với giá cùng kỳ năm 2021 do biến động tăng cao của giá nhiên liệu.

✓ Chi phí logistic toàn cầu cũng tăng cao kèm theo thời gian giao hàng kéo dài (gồm cả vận tải hàng không và vận tải biển) do 5 nguyên nhân chính gồm có:

i) Giá xăng dầu tăng cao.

ii) Sự tăng trưởng bùng nổ ở thị trường bán lẻ trực tuyến tại các quốc gia phát triển khiến khối lượng nhập khẩu tăng kỷ lục gây căng thẳng lên chuỗi cung ứng và hoạt động logistics toàn cầu.

iii) Cơ sở hạ tầng logistics hiện tại không theo kịp nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

iv) Tình trạng thiếu lao động cũng khiến các nhà nhập khẩu và đơn vị logistics phát sinh tăng chi phí vận hành dẫn tới chi phí logistics tăng theo.

v) Các lệnh trừng phạt giữa các quốc gia trong bối cảnh tình hình chiến sự khu vực Đông Âu càng thêm căng thẳng khiến nhiều đơn vị vận chuyển phải điều chỉnh lộ trình vận chuyển dẫn tới quãng đường trong lộ trình phải kéo dài dẫn tới tăng chi phí.

✚ Mặc dù tình trạng khan hiếm vật tư, giá cả nguyên liệu đầu vào và chi phí logistic tăng cao ảnh hưởng lớn tới giá thành sản phẩm nhưng đơn giá sản phẩm cấp quang của Công ty không thể tăng giá bởi những lí do sau:

✓ Các đơn hàng ký kết cuối năm 2021 và tiếp tục mở rộng trong năm 2022 với khách hàng đã được cam kết về đơn giá theo hợp đồng đấu thầu năm 2021. Trong các tháng đầu năm, Công ty phải lựa chọn tiếp tục mở rộng các đơn hàng với đơn giá cam kết nhằm mục tiêu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo duy trì công việc và đời sống cho người lao động.

✓ Các gói thầu mua sắm tập trung của Tập đoàn có đơn giá phê duyệt thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tế thị trường, đơn giá phê duyệt còn giảm so với đơn giá xây dựng từ đầu năm 2021. Để Công ty có cơ hội trúng thầu, đảm bảo duy trì công việc cho người lao động thì Công ty bắt buộc phải cân đối để có đơn giá chào thấp hơn giá dự toán.

✓ Việc các đơn hàng đấu thầu và có các dự án mở rộng được tính toán đơn giá dựa trên giá vật tư được các hãng sản xuất báo giá theo chu kỳ mỗi quý và đơn giá đấu thầu được phê duyệt thấp, giá chào thầu để trúng thầu đảm bảo cạnh tranh luôn phải thấp hơn mức nhất định so với giá gói thầu dẫn tới nếu các hãng vật tư điều chỉnh giá tăng quá cao cho các kì báo giá sau thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả SXKD và khả năng tiếp nhận các hợp đồng mở rộng với đơn giá áp dụng là giá gói thầu.

✓ Trong thời gian qua, khách hàng đã nhiều lần có nhu cầu mở rộng cho Quý 3 & Quý 4/2022 của các hợp đồng đấu thầu năm 2021 và áp dụng đơn giá cũ của gói thầu, tuy nhiên với biến động giá vật tư và giá xăng dầu tăng liên tiếp như 9 tháng đầu năm, Công ty đã buộc phải từ chối nhu cầu dẫn tới doanh thu thực hiện đã và sẽ giảm so với kế hoạch.

✚ Doanh thu xuất khẩu dự kiến không đạt kế hoạch do các đơn hàng xuất khẩu của Công ty phần lớn thực hiện với thị trường Lào, trong khi đó nước Lào năm vừa qua trải qua thời kì khủng hoảng kinh tế và lạm phát tăng cao (giá xăng dầu tăng cao và không có nguồn cung, đồng tiền Kip mất giá, nợ của Quốc gia rất cao nhưng Ngân hàng quốc gia không có khả năng thanh toán..) làm ảnh hưởng đến chính sách điều hành chung và làm chậm tốc độ phát triển hạ tầng viễn thông của nước bạn. Kèm theo đó, do các yếu tố không mấy tích cực về chất lượng tín dụng của Lào dẫn đến các hợp đồng với đối tác có thêm các yêu cầu về thanh toán trả chậm, dựa trên đánh giá việc thanh toán trả chậm tiềm ẩn rủi ro đã phần nào ảnh hưởng đến khả năng triển khai hợp đồng xuất khẩu của Công ty.

✚ Thiết bị máy móc sản xuất sau hơn mười hai năm khai thác bắt đầu đến chu kỳ phải sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế phát sinh nhiều. Chất lượng và trình độ của đội ngũ kỹ thuật chưa cao dẫn tới Công ty chưa tạo được lợi thế cạnh tranh trong việc nắm bắt các kỹ thuật công nghệ, sản phẩm mới của Ngành.

✚ Biến động của tỷ giá trong năm 2022 tăng 8,4% so với năm 2021. Trong khi đó nguyên vật liệu chính đầu vào phải nhập khẩu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành cũng dẫn đến chi phí nguyên vật liệu, chi phí tài chính cũng tăng theo.

Như vậy, các khó khăn liên quan đến các biến động về giá cả nêu trên đã khiến cho các hoạt động liên quan đến sản xuất cáp sợi quang không phát sinh hiệu quả dẫn tới chỉ số hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã giảm nhiều so với kế hoạch. Lợi nhuận của Công ty đã được bù đắp từ các đơn hàng sản xuất cáp thông tin sợi đồng.

3.2. Về công tác bán hàng.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm năm 2022 dựa trên cơ sở nắm bắt thông tin về định hướng phát triển của các nhóm khách hàng chính, trong đó doanh thu chủ yếu đến từ các nhóm khách hàng truyền thống gồm: Tập đoàn VNPT, các đơn vị trực thuộc VNPT (VNPT tỉnh/TP, VNPT Net..), SCTV, khách hàng nhỏ lẻ truyền thống, khách hàng khác.

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, Công ty Telvina đã nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiều hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo doanh thu mục tiêu và tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ.

** Kết quả thực hiện kế hoạch chỉ tiêu doanh thu trong năm 2022 của từng nhóm khách hàng đạt được như sau:*

STT	Phân loại theo khách hàng	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đ)	Thực hiện năm 2022 (tỷ đ)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ 2021 (%)
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong thị trường VNPT	83,0	75,4	90,9%	94,0%
1	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo các gói thầu đầu thầu tập trung của Tập đoàn VNPT	73,0	63,3	86,8%	90,9%
2	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo nhu cầu của các đơn vị thuộc Tập đoàn VNPT	10,0	12,0	120,4%	114,7%
II	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra ngoài thị trường VNPT	137,0	117,7	85,9%	95,2%
3	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng nhỏ lẻ truyền thống của Công ty	20,0	21,0	105,0%	176,5%
4	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng SCTV	10,0	1,8	18,8%	23,5%
5	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho khách hàng khác	60,0	60,0	100%	96,8%
6	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, điện lực...	3,0	0,2	6,7%	33,3%
7	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ	15,0	9,5	63,3%	114,5%

STT	Phân loại theo khách hàng	Kế hoạch năm 2022 (tỷ đ)	Thực hiện năm 2022 (tỷ đ)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ 2021 (%)
	khách hàng khác gồm: Mobifone, Viettel,				
8	Doanh thu thương mại thị trường trong và ngoài nước	29,0	25,1	86,6%	76,6%
8.1	Doanh thu thương mại trong nước	26,0	25,1	96,6%	85,2%
8.2	Doanh thu sản xuất ngoài nước (xuất khẩu)	3,0	0	0%	0%
	Tổng Doanh thu	220,0	193,1	87,8%	94,8%

3.3. Về công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

- Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện: Cải tiến cấu trúc, nâng cao chất lượng các sản phẩm cáp đồng và cáp quang, dây thuê bao cho các dự án đầu tư tập trung và mua sắm trực tiếp của thị trường trong và ngoài VNPT; Phát triển thêm sản phẩm cáp quang treo ADSS một lớp vỏ cung cấp ra thị trường trong và ngoài nước (đã cung cấp sang Lào và SCTV); Phát triển thêm sản phẩm cáp quang chôn trực tiếp phi kim loại chống động vật gặm nhấm cung cấp ngoài Ngành (đã cung cấp cho FPT và EVN); Phát triển thêm sản phẩm cáp quang treo kim loại chậm cháy sử dụng hai lớp nhựa LSZH (đã cung cấp cho FPT); đã tiến hành cải tiến thiết bị hiện có để sản xuất một số chủng loại như: Cáp nguồn AC, DC.

- Công ty đã nghiên cứu chế thử các sản phẩm 5G nhưng chưa thực hiện được do có một số khó khăn nên chưa triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư thiết bị để sản xuất.

3.4. Về một số các công tác khác.

- Công ty rất tích cực tìm nguồn nguyên vật liệu có giá cạnh tranh; điều độ sản xuất theo tiến độ giao hàng, tiếp tục áp dụng điều khoản yêu cầu khách hàng thanh toán ít rủi ro, thực hiện tốt công tác đối chiếu và đôn đốc công nợ phải thu chặt chẽ không để phát sinh công nợ quá hạn lâu, áp dụng công nợ phải trả chậm để cân đối nguồn vốn cho phù hợp với tình hình tài chính, do đó Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn và khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh.

- Công ty luôn chấp hành chính sách, pháp luật về thuế; hoàn thành đúng tiến độ về thời gian quyết toán các khoản thuế, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đúng, đủ, kịp thời theo quy định.

- Chất lượng sản phẩm của Công ty cung cấp luôn ổn định và nhận được sự hài lòng và độ tin cậy cao từ các khách hàng.

Phần II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Cơ hội và thách thức.

Công ty dự báo năm 2023 là một năm sẽ có nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty, với dự báo triển vọng của nền kinh tế thế giới và trong nước trong năm 2023 vẫn chưa khả quan, sẽ là một năm nhiều khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp sản xuất có sử dụng phần lớn nguyên liệu nhập khẩu như Telvina.

Việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) được dự báo sẽ tiếp tục tăng lãi suất, đà tăng của đồng USD sẽ còn tiếp tục với biên độ rất lớn thêm với việc Chính phủ các nước liên tục thay đổi chính sách tiền tệ dẫn tới khủng hoảng tiền tệ, suy thoái kinh tế kèm lạm phát tăng cao trên toàn cầu...sẽ tác động trực tiếp tới thị trường nguyên liệu, chi phí nhập khẩu và giá thành nguyên liệu tăng cao trong thời gian tới. Các hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu sản xuất chủ yếu sử dụng đồng tiền USD để thanh toán sẽ làm doanh nghiệp sản xuất chịu thêm khoản tăng chi phí đáng kể do sự biến động tỷ giá nêu trên.

Sự khó khăn về khủng hoảng kinh tế, lạm phát được dự đoán gia tăng trong bối cảnh các doanh nghiệp đã có rất nhiều sức ép và chưa kịp hồi phục sau thời kỳ Covid-19 và hậu Covid-19, cộng với việc các Ngân hàng trong nước đua nhau tăng lãi suất dựa trên động thái tăng lãi suất của Fed sẽ khiến doanh nghiệp SXKD ngày càng khó khăn trong tiếp cận nguồn vay để duy trì và mở rộng sản xuất.

Trong khi đó, sự đầu tư vào mạng lưới của các nhà mạng viễn thông trong nước và truyền hình vào thời kỳ tới mặc dù vẫn tiếp tục tuy nhiên tốc độ cũng như quy mô được dự báo sẽ ở mức hạn chế, dẫn tới thị trường sụt giảm nhu cầu trong khi năng lực nguồn cung dồi dào khiến sự cạnh tranh trong ngành sẽ rất khốc liệt. Thị trường biến động, giá cả nguyên liệu và chi phí sản xuất tăng theo đà lạm phát trong khi giá bán không tăng khiến cho biên độ lợi nhuận thấp, doanh nghiệp sản xuất sẽ cần chuyển sang thời kỳ cầm cự, duy trì thay vì mở rộng đầu tư để có thể tự đứng vững và vượt qua thời kỳ khủng hoảng kép này.

Bên cạnh đó, sự hạn chế về nguồn vốn kinh doanh cũng là một trong những yếu tố làm giảm khả năng tham gia thực hiện các gói thầu/hợp đồng có thời hạn thanh toán kéo dài như với các đơn vị trong lĩnh vực truyền hình. Thiết bị máy móc sau hơn mười năm khai thác bắt đầu đến chu kỳ phải sửa chữa và thay thế ngày càng nhiều hơn. Chất lượng và trình độ của đội ngũ kỹ thuật chưa cao dẫn tới Công ty chưa tạo được lợi thế cạnh tranh trong việc nắm bắt các kỹ thuật công nghệ, sản phẩm mới của Ngành.

Trên cơ sở dự báo nhu cầu thị trường cùng với việc Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm của Lãnh đạo Tập đoàn VNPT và các Ban, Ngành có liên quan và ưu thế của Công ty về kinh nghiệm trong sản xuất sản phẩm viễn thông nên có khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm công nghệ cao, các sản phẩm mới gần tương tự sản phẩm đang cung cấp, thương hiệu TELVINA được xây dựng và định vị được thương

hiệu TELVINA trên thị trường, Công ty dự kiến đề ra các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

2. Mục tiêu hoạt động.

- Phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Tiếp tục khẳng định thương hiệu dây và cáp TELVINA trên thị trường trong và ngoài nước.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023	So sánh KH2023/TH 2022
1	Tổng doanh thu	193.112	190.000	= 98,4%
2	Nộp ngân sách NN	11.812	10.550	= 89,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.159	2.500	= 215,7%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	2,32%	5%	= 215,5%
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Dự kiến 2,12%	4,0%	= 188,7%

3.1. Kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh.

Kế hoạch doanh thu năm 2023 được xây dựng dựa trên cơ sở nắm bắt thông tin về định hướng phát triển của các nhóm khách hàng chính như sau:

a. Kế hoạch phát triển thị trường với Tập đoàn VNPT trong đó doanh thu có được từ các phần công việc như sau:

- Phần doanh thu thực hiện từ hợp đồng các gói thầu đấu thầu tập trung gồm: Cấp quang với tổng giá trị thực hiện năm khoảng 62 tỷ.

- Phần doanh thu này chỉ đạt được trên cơ sở hợp đồng các gói thầu Mua sắm tập trung năm 2022 của Tập đoàn tiếp tục được gia hạn để triển khai thực hiện.

b. Xây dựng phần doanh thu theo nhu cầu các đơn vị thuộc Tập đoàn VNPT trong đó doanh thu có được từ các phần công việc:

- Phần công việc thực hiện với VNPT Net trong các dự án phát triển hạ tầng mạng theo định hướng phát triển chung của Tập đoàn cũng như Bộ TT&TT;

- Phần giá trị mua sắm chủ động của các Viễn thông tỉnh/thành phố.

c. Xây dựng phần doanh thu cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng nhỏ lẻ truyền thống của công ty trên cơ sở:

- Tiếp tục duy trì thực hiện các hợp đồng cung cấp cáp thông tin đồng và quang cho thị trường Mỏ hầm lò;

- Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp cáp thông tin tín hiệu đường sắt;
- Thực hiện các hợp đồng cung cấp cáp thông tin đồng, quang với khách hàng truyền thống;
- Thực hiện các hợp đồng cho nhu cầu sửa chữa, cải tạo hạ tầng ngành hàng không;

d. Phân cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng SCTV được xây dựng dựa trên 02 nguồn thông tin nắm bắt được về kế hoạch đầu tư như sau:

- Kế hoạch xây dựng trên cơ sở một số hợp đồng mua sắm theo các dự án duy tu bảo dưỡng định kỳ hàng năm của khách hàng.

e. Doanh thu cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho khách hàng khác được xây dựng dựa trên phân tích các yếu tố như sau:

- Doanh thu từ phần giá trị thực hiện hợp đồng cung cấp đã ký kết.
- Thực hiện cung cấp theo các gói thầu mua sắm trực tiếp, đấu thầu rộng rãi cho các dự án phát triển hạ tầng viễn thông năm 2023 của khách hàng.

f. Doanh thu từ cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, điện lực... trên cơ sở:

- Phát triển mạnh thị trường giao thông đô thị thông qua việc tiếp xúc mở rộng thị trường, cố gắng duy trì để tiếp tục thực hiện các dự án hạ ngầm cải tạo nút đô thị với các đối tác thi công;

- Tiếp tục cung cấp cáp thông tin quang cho các dự án tòa nhà Building với các đơn vị thương mại khác. Việc hoàn thiện mạng 4G và thử nghiệm mạng 5G cũng giúp cho các dự án phát triển Tòa nhà thông minh, thành phố thông minh, giao thông thông minh ngày càng phát triển dẫn tới nhu cầu sử dụng cáp thông tin sợi quang không chỉ gói gọn trong các nhà mạng Viễn thông mà còn phát triển mạnh đối với cả các dự án phát triển hạ tầng, giao thông đô thị.

- Thực hiện dự án cung cấp cáp quang cho ngành điện lực trong các dự án phát triển hạ tầng cáp quang, xây dựng văn phòng thông minh 4.0. thông qua kết hợp cùng các đối tác thi công và thương mại truyền thống.

g. Doanh thu thương mại trong nước và doanh thu xuất khẩu thông qua đối tác thương mại cho các đơn hàng về cáp thông tin quang, thông tin đồng và dây thuê bao đệm chặt.

- Dựa trên các hoạt động kinh doanh mua/bán vật tư với các đơn vị cùng nhóm, ngành.

- Sản phẩm của Telvina tiếp tục được giới thiệu trực tiếp và gửi hồ sơ năng lực, hồ sơ sản phẩm tới các đối tác và khách hàng trong khu vực.

h. Doanh thu từ sản phẩm cho thị trường khác gồm có: Mobifone, Viettel:

- Đối với thị trường Viettel: Công ty tiếp tục tham dự các dự án đấu thầu của Tập đoàn Viettel cũng như các đơn vị trực thuộc trong năm 2023 để tìm kiếm cơ hội cung cấp.

- Với thị trường Mobifone: Với việc Công ty đã đạt được kết quả nhất định thông qua thực hiện các dự án phát triển hạ tầng năm 2021 và 2022, sản phẩm cáp sợi quang thương hiệu Telvina đã được sử dụng rộng rãi trên mạng lưới của Mobifone trên khắp cả nước; Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc tiếp cận thị trường để có thể đưa sản phẩm của Telvina tiếp tục cung cấp cho các dự án phát triển hạ tầng truyền dẫn của Mobifone trong năm 2023.

*** Kế hoạch doanh thu cụ thể, như sau:**

STT	Phân loại theo khách hàng	Thực hiện năm 2022 (tỷ đ)	Kế hoạch năm 2023 (tỷ đ)	So sánh KH 2023/TH 2022 (%)
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong thị trường VNPT	75,4	69,0	91,5%
1	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo các gói thầu đầu thầu tập trung của Tập đoàn VNPT	63,3	62,0	97,9%
2	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo nhu cầu của các đơn vị thuộc Tập đoàn VNPT	12,0	7,0	58,3%
II	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra ngoài thị trường VNPT	117,7	121,0	102,8%
3	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng nhỏ lẻ truyền thống của Công ty	21,0	20,0	95,2%
4	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng SCTV	1,8	2,0	111,1%
5	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho khách hàng khác	60,0	60,0	100,0%
6	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, điện lực...	0,2	1,0	500,0%
7	Cung cấp sản phẩm/dịch vụ khách hàng lớn khác gồm: Mobifone, Viettel,	9,5	18,0	189,4%
8	Doanh thu thương mại thị trường trong và ngoài nước	25,1	20,0	79,6%
8.1	Doanh thu thương mại trong nước	25,1	17,0	67,7%
8.2	Doanh thu sản xuất ngoài nước (xuất khẩu)	0	3,0	Có doanh thu
	Tổng Doanh thu	193,1	190,0	98,4%

4. Kế hoạch đầu tư và phát triển.

- Hoàn thiện sản phẩm cáp quang ADSS chống động vật gặm nhấm (chống sóc).
- Phát triển thêm sản phẩm cáp tín hiệu đường sắt chôn ngầm cách điện XLPE.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm cáp đồng và cáp quang tòa nhà thông minh.

- Đầu tư phát triển sản phẩm cáp điện ô tô xe máy..

- Đầu tư phát triển sản phẩm cáp LAN CAT 6 và CAT 7 phục vụ mạng 5G.

5. Biện pháp chính thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới tại Công ty theo nhu cầu phát triển của các nhà mạng viễn thông, đặc biệt các sản phẩm dây và cáp phục vụ cho mạng 5G.

- Phát triển thị trường cung cấp sản phẩm mới của Công ty.

- Tích cực khai thác thị trường xuất khẩu và cung cấp sản phẩm dây và cáp của Công ty vào các thị trường tiềm năng trong khu vực Đông Nam Á và các khu vực khác.

- Tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc không ngừng đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý, xây dựng môi trường làm việc tích cực và chuyên nghiệp; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu; thực hiện tiết kiệm chi phí..., nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng báo cáo!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Tô Chí Thành

Số: 24 /TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Toàn văn bản Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam được đăng tải đầy đủ trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty: <http://www.telvina.vn>, chuyên mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

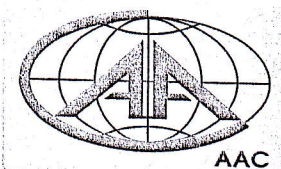
Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dong.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 070/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 14/02/2023 của Công ty Cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Thị Thụ Hiền - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Đinh Thị Ngọc Thùy - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

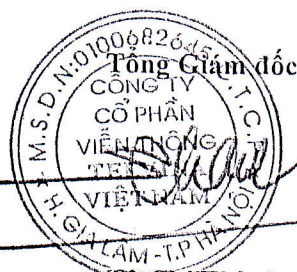
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.205.280.752	105.373.896.357
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.284.311.202	24.762.843.241
1. Tiền	111	5	8.284.311.202	9.762.843.241
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	4.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.363.389.578	5.904.010.019
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	2.363.389.578	5.904.010.019
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.229.159.484	35.762.885.140
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	52.101.967.183	45.177.214.743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	100.430.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.573.386.906	931.435.002
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(10.446.194.605)	(10.446.194.605)
IV. Hàng tồn kho	140	11	56.144.275.851	38.240.921.640
1. Hàng tồn kho	141		56.923.716.979	39.664.781.371
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(779.441.128)	(1.423.859.731)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.184.144.637	703.236.317
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	277.474.543	107.017.629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		858.824.478	596.218.688
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	47.845.616	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.195.684.057	9.664.701.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.730.464.551	9.157.120.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.202.513.872	4.463.221.836
- Nguyên giá	222		112.775.978.679	135.243.028.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.573.464.807)	(130.779.807.090)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	4.527.950.679	4.693.898.295
- Nguyên giá	228		6.956.452.379	6.956.452.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.428.501.700)	(2.262.554.084)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		465.219.506	507.581.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	465.219.506	507.581.820
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.400.964.809	115.038.598.308

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.222.756.669	32.822.590.114
I. Nợ ngắn hạn	310		35.465.004.440	24.817.230.114
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	29.126.460.917	18.460.684.233
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	275.960.513	306.264.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	-	254.671.799
4. Phải trả người lao động	314		2.493.921.385	2.919.938.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	114.906.616	100.873.472
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	28.000.000	18.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.309.215.389	1.416.478.678
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	150.000.000	150.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22.a	1.826.426.658	1.020.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		140.112.962	170.318.042
II. Nợ dài hạn	330		7.757.752.229	8.005.360.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22.b	7.757.752.229	8.005.360.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.178.208.140	82.216.008.194
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	80.178.208.140	82.216.008.194
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	24.000.000.000	24.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	5.902.426.198	5.902.426.198
4. Cổ phiếu quỹ	415	23	(888.000.000)	(888.000.000)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	1.163.781.942	3.201.581.996
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	23	4.507.076	2.847.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	23	1.159.274.866	3.198.734.598
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.400.964.809	115.038.598.308



Tổng Giám đốc

Fô-Chi Thành

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hiền

Người lập biểu

Trần Thị Tình

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	191.986.688.975	208.877.595.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		191.986.688.975	208.877.595.521
4. Giá vốn hàng bán	11	26	169.229.391.265	178.897.371.986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		22.757.297.710	29.980.223.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	911.566.975	963.790.969
7. Chi phí tài chính	22	28	1.099.582.712	94.469.712
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		115.373.733	21.071.609
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	10.163.524.372	14.348.127.441
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	11.016.903.758	12.550.043.056
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.388.853.843	3.951.374.295
11. Thu nhập khác	31	30	214.365.656	248.794.720
12. Chi phí khác	32	31	85.769.813	55.050.124
13. Lợi nhuận khác	40		128.595.843	193.744.596
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.517.449.686	4.145.118.891
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	358.174.820	946.384.293
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.159.274.866	3.198.734.598
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	235	567
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	235	567



Tổ Chức Thành

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hiền

Người lập biểu

Trần Thị Tinh

Số: 25 /TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022,
kế hoạch thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam; Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023, như sau:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

STT	CHỈ TIÊU	MÃ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại ngày 31/12/2022	50	1.517.449.686
2	Chi phí thuế TNDN phải nộp	51	358.174.820
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN tại ngày 31/12/2022	60	1.159.274.866
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tại 31/12/2022	421a	4.507.076
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2022	421	1.163.781.942
6	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022		1.163.781.942
6.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 3,5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ((6)*3,5%)		40.732.368
6.2	Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2022 (=32,1% mức thù lao kế hoạch đề ra năm 2022)		70.000.000
6.3	Chi trả cổ tức với tỷ lệ 2,12%/cổ phiếu, tương đương 212 đồng/cổ phiếu (212 đồng * cổ phiếu đang lưu hành là 4.940.000)		1.047.280.000
6.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển kỳ sau	421	5.769.574

2. Về kế hoạch thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2023.

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 thì thù lao HĐQT & BKS bằng 120.000.000 đồng.
- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02%; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT & BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2023 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);
- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức hoàn thành kế hoạch.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hải



BAN KIỂM SOÁT

Số: 32/BC-BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2023 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính thưa toàn thể các quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát, BKS xin báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong năm 2022 cùng một số đề xuất, kiến nghị cũng như kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, hai thành viên BKS là bà Nguyễn Thị Hoàng Lan và ông Trịnh Văn Hiền đã có đơn xin từ nhiệm. Từ tháng 5 năm 2022, BKS hoạt động với 03 thành viên, gồm: Ông Nguyễn Hữu Thành là Trưởng BKS, Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà và bà Nguyễn Anh Thư là thành viên BKS.

Thực hiện kế hoạch công tác, năm 2022 BKS đã tổ chức 04 cuộc họp bằng hình thức trực tiếp và lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thực hiện các nội dung sau:

- Xem xét đơn từ nhiệm của 02 thành viên BKS và không đề xuất bầu bổ sung, đồng thời phân công lại chức năng nhiệm vụ cho các thành viên còn lại. Điều này hoàn toàn phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 3 năm 2022.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 của Công ty đã được Đại hội thông qua bao gồm: việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022; việc chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông; việc chi trả thù lao năm 2021 cho HĐQT và BKS; việc chấp hành Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.
- Lấy ý kiến đề xuất HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Thẩm định các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành tại Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia và có ý kiến về những nội dung các cuộc họp trực tiếp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hằng tuần của Công ty.

Kết quả tự đánh giá:

Với quyền hạn, nhiệm vụ và kế hoạch công tác đã đề ra, năm 2022 BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. BKS đã đưa ra các đánh giá cũng như kiến nghị cụ thể ghi trong Báo cáo theo quy định.

Trong năm, từng thành viên trong BKS theo kế hoạch công tác được phân công đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên BKS thực hiện đúng, đầy đủ quy định nội bộ của Công ty, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2022

- Về thù lao: trong năm 2022, Công ty chưa thực hiện chi trả thù lao cho BKS.
- Về các chi phí hoạt động: trong năm 2022, Công ty đã chi phí hoạt động cho từng thành viên với tổng số tiền là 5.000.000đ/người/năm (03 thành viên).
- Về lợi ích khác của thành viên BKS: không có.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Báo cáo phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty:

Hoạt động của BKS trong năm vừa qua diễn ra thuận lợi, BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình với sự phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty. BKS đã nhận được đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc khi có yêu cầu.

BKS cũng được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT. Trưởng BKS thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban của Công ty. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát trực tiếp tại Công ty, Công ty đã tạo điều kiện về chỗ làm việc, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra giám sát và cử cán bộ làm việc cùng BKS theo yêu cầu.

2. Báo cáo giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông:

• Đối với HĐQT Công ty:

HĐQT đã thực hiện các cuộc họp định kỳ theo quy định và Điều lệ Công ty. Các cuộc họp được thực hiện dưới hai hình thức là họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Trong các cuộc họp trực tiếp, các thành viên tham gia đầy đủ. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều bám sát vào thực tế hoạt động để chỉ đạo Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc ban hành các nghị quyết, quyết định đúng thẩm quyền, trình tự pháp lý đúng theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• Đối với Tổng Giám đốc Công ty:

Triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật trong công tác quản lý và điều hành cũng như trong các giao dịch.

Tổng Giám đốc Công ty sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt. Tổ chức các cuộc họp giao ban thường kỳ hoặc đột xuất để chỉ đạo điều hành các phòng ban, bộ phận trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết những vấn đề phát sinh.

Nắm bắt và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã duyệt, các chỉ thị, nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT. Các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Điều lệ của Công ty.

Năm 2022, Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành được Công ty hoạt động có hiệu quả, người lao động vẫn đủ việc làm. Kết quả sản xuất kinh doanh tuy không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra nhưng vẫn có lợi nhuận.

- **Đối với các cổ đông:**

Trong năm 2022, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện kiểm toán. Các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập trình bày trước Đại hội đồng cổ đông năm 2022 phù hợp với tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022. BKS nhất trí với báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC về tình hình tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2022.

4. Báo cáo giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã thẩm định báo cáo kết quả SXKD năm 2022 của Công ty và thống nhất đánh giá, kết quả cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH 2022 /KH 2022
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	220,000	193,112	87,78%
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3,420	1,159	33,90%
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	6,84	2,32	33,90%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6,0	Dự kiến: 2,12	35,33%

Năm 2022, Công ty không hoàn thành kế hoạch đặt ra: Tổng doanh thu thực hiện được là 193,112 tỷ đồng đạt 87,78%; Lợi nhuận sau thuế là 1,159 tỷ đồng đạt 33,9%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (50 tỷ) đạt 33,9%. Công ty dự kiến chi trả cổ tức là 2,12%, đạt 35,33%.

- **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 so với thực hiện năm 2021:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ 2022 /2021
1	Kết quả hoạt động kinh doanh				
	Tổng doanh thu	tỷ đồng	193,112	210,090	-8,08%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	tỷ đồng	191,986	208,877	-8,09%
	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	0,911	0,963	-5,42%
	Doanh thu khác	tỷ đồng	0,214	0,248	-13,84%
	Giá vốn hàng bán	tỷ đồng	169,229	178,897	-5,40%
	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	80,178	82,216	-2,48%
	Tổng nguồn vốn	tỷ đồng	123,400	115,038	7,27%

2	Khả năng sinh lời		2022	2021	
	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	1,517	4,145	-63,39%
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	1,159	3,198	-63,76%
	Giá vốn hàng bán/Tổng doanh thu		87,63%	85,15%	2,91%
2.1	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng doanh thu (%) ROS		0,60%	1,52%	-60,57%
2.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)		1,43%	3,90%	-63,37%
3.	Khả năng thanh toán		2022	2021	
	Tiền và các khoản tương đương tiền	tỷ đồng	12,284	24,762	-50,39%
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	tỷ đồng	2,363	5,904	-59,97%
	Các khoản phải thu ngắn hạn	tỷ đồng	43,229	35,762	20,88%
	Hàng tồn kho	tỷ đồng	56,144	38,240	46,82%
	Tài sản ngắn hạn khác	tỷ đồng	1,184	0,703	68,39%
	Hàng tồn khi bình quân trong kỳ	tỷ đồng	47.192	32.474	45.32%
	Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	35,465	24,817	42,90%
3.1	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán hiện hành) = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	3,25	4,25	-23,49%
3.2	Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,67	2,71	-38,44%
3.3	Khả năng thanh toán tức thời = Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	lần	0,35	1,00	-65,29%
4	Tài trợ vốn cố định		2022	2021	
	Nguồn vốn dài hạn = Vốn chủ sở hữu + Nợ dài hạn	tỷ đồng	87,935	90,221	-2,53%
	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	80,178	82,216	-2,48%
	Nợ dài hạn	tỷ đồng	7,757	8,005	-3,09%
	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	tỷ đồng	7,730	9,157	-15,58%
4.1	Mức độ đảm bảo vốn cố định	tỷ đồng	80,205	81,064	-1,06%
5	Tài trợ vốn lưu động		2022	2021	
	Nguồn vốn ngắn hạn (= Nợ ngắn hạn)	tỷ đồng	35,465	24,817	42,90%
	Phải trả người bán ngắn hạn	tỷ đồng	29.126	18.460	57,78%
	Các khoản phải trả khác	tỷ đồng	6,338	6,356	-0,28%
	Tài sản lưu động (= Tài sản ngắn hạn)	tỷ đồng	115,205	105,373	9,33%
5.1	Mức độ đảm bảo vốn lưu động	tỷ đồng	-79,740	-80,557	-1,01%
6	Khả năng hoạt động		2022	2021	
6.1	Vòng quay các khoản phải thu = Tổng doanh thu/Các khoản phải thu bình quân		4,89	4,36	12,12%
	Số ngày các khoản phải thu (Kỳ thu tiền bình quân)		75	84	-10,81%
6.2	Vòng quay các khoản phải thu (khách hàng) = Doanh thu bán hàng/Các khoản phải thu khách hàng bình quân		5,03	4,42	13,81%

	Kỳ thu tiền bình quân		73	83	12,14%
6.3	Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		3,59	5,51	-34,91%
	Số ngày dự trữ hàng tồn kho (Số ngày 1 vòng quay hàng tồn kho)		102	66	53,62%
	Chu kỳ sản xuất kinh doanh (ngày)		176	150	-17,66%
	Chu kỳ sản xuất kinh doanh (tháng)		5,88	5,00	-17,66%
6.4	Vòng quay các khoản phải trả = Giá vốn hàng bán/Phải trả người bán bình quân		7,11	10,27	-30,75%
	Số ngày phải trả (Kỳ trả tiền bình quân)		51	36	44,41%

• **Phân tích, đánh giá:**

Năm 2022, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn hơn khi thị trường bị thu hẹp do các khách hàng tiết kiệm, thắt chặt đầu tư, cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cùng ngành, các cú sốc về tỷ giá, giá hàng hoá đầu vào tăng, chi phí vận tải tăng do giá xăng dầu tăng... đã khiến chi phí giá vốn tăng trong khi nguồn vốn có xu hướng bị chiếm dụng lớn hơn năm 2021. Kết quả là doanh thu, lợi nhuận của công ty bị thu hẹp, số ngày quản lý hàng tồn kho, chu kỳ kinh doanh gia tăng.

Mặc dù vậy, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt, cơ cấu vốn an toàn, hợp lý. Thực trạng không có rủi ro nợ ngắn và dài hạn trong bối cảnh lãi suất tăng mạnh cuối năm 2022 và dự báo triển vọng xấu 2023 là một ưu thế của Công ty.

[1] Kết quả hoạt động kinh doanh giảm 8,09% so với năm 2021. Trong khi giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn hơn tới 3 điểm phần trăm so với doanh thu. Nguyên nhân do thị trường bị thu hẹp, cạnh tranh về giá (đấu thầu) trong khi giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng mạnh. Điều này dẫn tới kết quả lợi nhuận kém hơn so với 2021.

[2] Khả năng sinh lời giảm mạnh. Lợi nhuận để lại năm 2022 chỉ đạt 1,159 tỷ đồng, giảm 63,76% so với kết quả lợi nhuận của năm 2021. Năm 2022, 100 đồng vốn chủ sở hữu chỉ tạo ra 1,43 đồng lợi nhuận, trong khi năm 2021 con số này là 3,9 đồng.

[3] Số ngày dự trữ hàng tồn kho và chu kỳ kinh doanh gia tăng: Hàng tồn kho tăng 46,8% trong khi khoản phải thu tăng thêm 20,8% so với cùng kỳ năm 2021. So với năm 2021, số ngày các khoản phải thu giảm 9 ngày, số ngày dự trữ hàng tồn kho tăng 36 ngày, chu kỳ sản xuất kinh doanh cũng kéo dài thêm 26 ngày.

[4] Kết quả/Hiệu quả hoạt động năm 2022 giảm sút so với năm 2021, tác động làm cho khả năng thanh toán suy giảm nhẹ trong năm 2022 nhưng Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện hành (3,25 lần), Khả năng thanh toán nhanh (1,67 lần) và Khả năng thanh toán tức thời (0,35 lần). Khả năng thanh toán được duy trì, đảm bảo nhờ cơ cấu vốn hợp lý, giảm vay nợ ngắn và dài hạn mặc dù tình trạng hàng tồn kho và nợ đọng vốn gia tăng.

[5] Công ty sử dụng cơ cấu vốn tương đối an toàn: Tại thời điểm 31/12/2022, Vốn chủ sở hữu (80,2 tỷ đồng) gấp 1,85 lần Nợ phải trả (43,2 tỷ đồng); Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn không đáng kể (150 triệu đồng); Nợ dài hạn (Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa) cũng không quá lớn (7,7 tỷ đồng) so với Vốn chủ sở hữu. Nguồn vốn dài hạn đảm bảo tài trợ tốt cho tài sản cố định và phần lớn tài sản ngắn hạn. Công ty không gặp vấn đề về mất an toàn cơ cấu vốn trong nhiều năm.

- **Công tác đầu tư XD CB, duy tu bảo dưỡng:**

Năm 2022, Công ty không thực hiện đầu tư lớn. Các công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng được thực hiện theo kế hoạch và thực tế sản xuất kinh doanh.

- **Công tác Tổ chức, Lao động; Tiền lương**

Năm 2022, Công ty đã thực hiện đúng nguyên tắc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện và đơn giá tiền lương đã được phê duyệt. Công ty tiếp tục thực hiện việc phân phối tiền lương và khen thưởng sáng kiến đề động viên, khuyến khích người lao động nhằm mục đích tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Số người lao động làm việc trong Công ty năm 2022 không có biến động nhiều.

5. Báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

Thực hiện quyền và nghĩa vụ của BKS trong năm 2022, qua quá trình làm việc trực tiếp tại Công ty cũng như trên cơ sở các báo cáo nội bộ, báo cáo tài chính... BKS nhận thấy quá trình điều hành sản xuất kinh doanh tại Công ty đã bám sát vào thực trạng khu vực, thị trường và điều kiện năng lực của Công ty để đạt được các mục tiêu đề ra. Các phòng ban chức năng trong Công ty theo nhiệm vụ chuyên môn của mình đã tham mưu đề xuất các ý kiến xây dựng cho Tổng Giám đốc tại các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất... cùng chung mục tiêu hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua nhưng thực tế Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 do nhiều nguyên nhân đã được phân tích ở trên.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2022, HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đã phối hợp chặt chẽ trong công việc, thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành của mình, triển khai quyết liệt những nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thông qua. Các hoạt động của HĐQT và Bộ máy điều hành đã thể hiện sự nỗ lực và linh hoạt trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, phát huy được tinh thần và trí tuệ của người lao động.

Từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động của Công ty năm 2023, BKS kiến nghị một số nội dung sau:

- **Thứ nhất**, Công ty cần rà soát và quản lý tốt hơn các khoản phải thu. Trong giai đoạn thị trường bị thu hẹp, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khó khăn, Công ty cần rà soát lại năng lực tài chính, công nợ của các đối tác, khách hàng để tránh bị chiếm dụng vốn và nợ khó đòi, phòng tránh rủi ro nợ xấu lây lan từ bạn hàng; đồng thời, hoàn thiện các thủ tục để xử lý các khoản nợ xấu. Với hàng tồn kho, để ứng phó với giá hàng hoá đầu vào có thể bất ổn và gia tăng năm 2023, việc tăng hàng tồn kho đầu vào để tăng cường dự trữ cần cân đối hợp lý trong điều kiện nguồn lực của Công ty còn hạn chế.
- **Thứ hai**, tỷ giá VND và lãi suất cho vay tiền đồng có thể tiếp tục diễn biến khó lường trong năm 2023 do bất ổn kinh tế - tài chính toàn cầu cũng như vấn đề nội tại của kinh tế - tài chính trong nước, đề nghị Công ty cân nhắc tăng cường trích lập dự phòng tỷ giá ngay từ đầu năm cho các đơn hàng trong năm 2023. Ngoài ra, Công ty cần có dự toán dòng tiền, lên kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch dòng tiền theo tháng để hạn chế tối đa các khoản vay kéo dài đồng thời để có kế hoạch đầu tư tài chính tốt nhất trong năm 2023.

- **Thứ ba**, Công ty cần tập trung mọi nguồn lực, trí tuệ thực hiện tốt nhất công tác phát triển sản phẩm mới, nỗ lực tìm kiếm các nguồn doanh thu, lợi nhuận mới trong bối cảnh các thị trường kinh doanh truyền thống của Công ty đang có chiều hướng bị thu hẹp, cạnh tranh gay gắt, doanh thu, lợi nhuận suy giảm.
- **Thứ tư**, định kỳ kiểm tra, rà soát ban hành, điều chỉnh, cập nhật các quy định quản lý tài chính - kế toán, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để phù hợp với quy định của nhà nước, quy định quản lý doanh nghiệp niêm yết và thực tế sản xuất kinh doanh để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Chú trọng công tác phát triển thị trường, tiếp cận và mở rộng thị trường ngoài nước.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023

Năm 2023, Ban kiểm soát tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung công việc thuộc chức năng nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động sửa đổi của BKS và Điều lệ Công ty. BKS xác định lấy ngăn ngừa là mục tiêu chính trong hoạt động của mình, góp phần đảm bảo rằng các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định và pháp luật của Nhà nước, có hiệu quả và đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động.

Kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS cụ thể như sau:

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023 và các nghị quyết, quyết định khác trong công tác điều hành và quản lý Công ty đối với HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ cũng như pháp luật của Nhà nước.
3. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
4. Thẩm định các báo cáo tài chính hằng quý và cả năm của Công ty theo quy định.
5. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp tổng kết và các cuộc họp giao ban hằng tuần của Công ty.
6. Tiến hành các công tác kiểm tra giám sát hoạt động TCKT tại Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt nam, kính trình trước Đại hội và xin được Đại hội thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc;
- Lưu HS Đại hội.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN HỮU THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BAN KIỂM SOÁT

Số: 34 / Tr-TEL VINA

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2023

TỜ TRÌNH

V.v đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC tiếp tục tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính 2023 của Công ty và phải đảm bảo về chất lượng kiểm toán, chi phí hợp lý và dịch vụ hỗ trợ tư vấn...

Trong trường hợp đơn vị kiểm toán trên không đáp ứng, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại có tên trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng, trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Thành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam
Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam**

Tôi tên: Nguyễn Thị Hoàng Lan

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Nay, tôi viết đơn này xin báo cáo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đồng ý cho tôi được từ nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty kể từ ngày 01/5/2022.

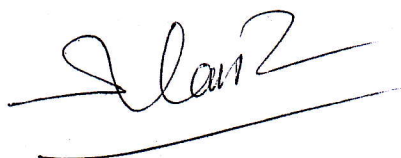
Lý do: vì một số lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm công việc của Thành viên Ban Kiểm soát.

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn



Nguyễn Thị Hoàng Lan

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Viễn thông Telvina Việt Nam
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam
Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam**

Tôi tên: Trịnh Văn Hiền

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Nay, tôi viết đơn này xin báo cáo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đồng ý cho tôi được từ nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty kể từ ngày 01/5/2022.

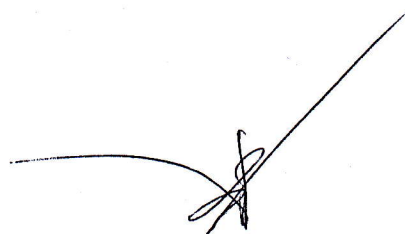
Lý do: vì một số lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm công việc của Thành viên Ban Kiểm soát.

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn



Trịnh Văn Hiền

Số: 26 /TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

V.v đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

- Căn cứ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, khi đăng ký cập nhật thông tin trên Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, Công ty phải đăng ký thay đổi bổ sung thêm thông tin địa chỉ cụ thể dưới cấp xã vào địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc thông qua Quyết định thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty (có bản dự thảo kèm theo) và sửa đổi nội dung địa chỉ trụ sở chính nêu tại bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam, để phục vụ cho việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và cập nhật thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, cụ thể:

* Địa chỉ trụ sở chính của Công ty đã đăng ký và nêu tại bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam: xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

* Địa chỉ trụ sở chính của Công ty đề nghị thay đổi là: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

(Nội dung thay đổi đăng ký kinh doanh và cập nhật thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty được nêu cụ thể tại Tờ trình đề nghị thông qua Quyết định về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

Số: 01/2023/QĐ-TELVINA

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM
(V/v: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty)

- ◆ Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020
- ◆ Căn cứ Điều lệ Công ty;
- ◆ Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty số 01/2023/BB-TELVINA ngày 20 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty đã đăng ký: Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính là: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 2: Giao cho Ông TÔ CHÍ THÀNH – Đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh như nêu tại điều 1.

Điều 3: Đại diện theo pháp luật của công ty và các thành viên liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Phòng ĐKKD TP Hà Nội (để thực hiện thay đổi ĐKKD);
- Các cổ đông;
- Như điều 3;
- Lưu./

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thanh Hải

Số: 27/TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

V.v đề nghị thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua quyết định thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty (có bản dự thảo Quyết định kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về nội dung bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp như sau:

1. Cập nhật ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật như sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh cũ		Ngành nghề kinh doanh mới	
	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình công ích	4220	Xây dựng công trình điện	4221
			Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
			Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223 (ngành chính)
			Xây dựng công trình công ích khác	4229
2.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
3.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	Xây dựng công trình đường sắt	4211
			Xây dựng công trình đường bộ	4212

4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	Xây dựng công trình thủy	4291
			Xây dựng công trình khai khoáng	4292
			Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
			Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
5.	Xây dựng nhà các loại	4100	Xây dựng nhà để ở	4101
			Xây dựng nhà không để ở	4102

2. Cập nhật số điện thoại Công ty như sau: 024.38780451

3. Cập nhật số Fax Công ty như sau: 024.38780023

4. Cập nhật thông tin CCCD của ông TÔ CHÍ THÀNH là người đại diện theo pháp luật công ty như sau:

CCCD số: 001071027886

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày hết hạn: 19/05/2031

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

Số: 02/2023/QĐ-TELVINA

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM
(V/v: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh)

- ◆ Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020
- ◆ Căn cứ Điều lệ Công ty;
- ◆ Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty số 01-01/2023/TrBB-TELVINA ngày 20 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

1. Đăng ký thay đổi trụ sở chính công ty:

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Ngõ 41 Đường Yên Thường, Xã Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.38780451

Fax: 024.38780023

Email: info@telvina.vn

Website: http://www.telvina.vn

2. Sửa đổi Điều lệ Công ty:

Công ty đã sửa đổi nội dung điều lệ về địa chỉ trụ sở chính của công ty. Điều lệ sửa đổi được các cổ đông Công ty thông qua ngày 20/3/2023.

Điều 2: Giao cho Ông TÔ CHÍ THÀNH – Đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh như nêu tại điều 1.

Điều 3: Đại diện theo pháp luật của công ty và các thành viên liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhân:

- Phòng ĐKKD TP Hà Nội (để thực hiện thay đổi ĐKKD);
- Các cổ đông;
- Như điều 3;
- Lưu./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thanh Hải

Số: 28/TTr-TELVINA

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V.v đề nghị thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam; Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.
- Căn cứ vào quy mô hoạt động và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với thực tế của Công ty.

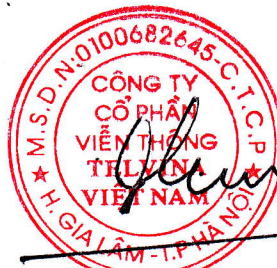
(có các bản dự thảo kèm theo)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu HS Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng 3 năm 2023

IN:010
C
VI
TI
VI
GIA L

Số: /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết nhất trí thông qua.

Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 10/01/2005.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hải

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ... /QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và các đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Con dấu của Công ty được sử dụng để đóng trên các văn bản do HĐQT ban hành.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin:

- Tất cả thông tin, báo cáo đều được thực hiện bằng văn bản chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Văn bản đề nghị cung cấp thông tin và các báo cáo cung cấp thông tin có thể gửi bằng đường thư, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác đến bộ phận Văn thư của Công ty.

- Trong vòng bảy (07) ngày làm việc, Công ty phải gửi báo cáo cung cấp thông tin đến Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Tổng số thành viên được gọi là thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị tại Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- b) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Đại hội bầu thành viên Hội đồng quản trị bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Phiếu bầu là phiếu được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại ngày tổ chức họp, để biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị được in trên giấy màu Cam.

Trên phiếu bầu có phần 1: thể hiện Mã số cổ đông, Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện, Tổng số phiếu bầu. Một phiếu bầu thể hiện quyền bầu tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ; phần 2: Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, có ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

Khi nhận phiếu bầu, cổ đông phải kiểm tra lại xem tổng số cổ phần ghi trên tờ phiếu bầu có đúng bằng số cổ phần mình đã đăng ký hay không và/hoặc tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện có đúng và đủ theo phương thức bầu dồn phiếu không. Nếu không đúng thì đề nghị ngay với Ban Kiểm phiếu kiểm tra và xác nhận lại.

Cách thức biểu quyết: Dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử; Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác; Cổ đông có thể ký tên và ghi rõ họ tên vào

Phiếu bầu. Sau khi hoàn thành tất cả các nội dung cần biểu quyết, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu đã được chuẩn bị sẵn.

- Phiếu bầu không hợp lệ là: phiếu không do Ban tổ chức phát hành, phiếu có gạch xóa, sửa chữa nội dung mà không có xác nhận. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền.

- Đối với biểu quyết bầu cử thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu và đại diện của cổ đông nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Tổng số phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện của Cổ đông x 3 (3 là số lượng thành viên bầu vào Hội đồng quản trị). Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ trên cao xuống thấp và đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng cần bầu.

2. Đại hội miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;

4264
G TY
PHÂN
THÔNG
VINA
NAM
-T.P

- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- Các thông tin khác (nếu có).

- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông

theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác theo quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do người triệu tập họp quyết định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo thông báo mời họp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị.

a) Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Giấy ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước ngày họp, kèm theo Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, hộ chiếu của người được ủy quyền.

c) Giấy ủy quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, hộ chiếu của người ủy quyền và người được ủy quyền, nội dung và phạm vi ủy quyền, thời gian hiệu lực của ủy quyền.

d) Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các hành động, quyết định của người được ủy quyền thực hiện theo ủy quyền tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết thông qua tại cuộc họp.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 37.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ

Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

010
C
VI
TI
VI
4L

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết/quyết định đề Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 24. Mối quan hệ với Cổ đông.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Công ty và kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị chỉ đạo việc giải quyết các chất vấn và giải quyết các kiến nghị, đề nghị của cổ đông đối với Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam bao gồm 7 chương và 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2023

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA
VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng 3 năm 2023

Số: /QĐ-BKS

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết nhất trí thông qua.

Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 06/01/2005.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Thành

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TELVINA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ... /QĐ-BKS ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy chế về quản trị nội bộ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của

Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát.

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

- a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- d) Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- f) Trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) về các nội dung trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.
- g) Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- h) Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát;
- i) Chịu trách nhiệm đôn đốc các kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát.
- j) Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt;
- k) Đại diện tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát.

c) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Kiểm soát đề cử thấp hơn số ứng cử viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội bầu thành viên Ban Kiểm soát bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Phiếu bầu là phiếu được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại ngày tổ chức họp, để biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

Phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát được in trên giấy màu Vàng.

Trên phiếu bầu có phần 1: thể hiện Mã số cổ đông, Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện, Tổng số phiếu bầu. Một phiếu bầu thể hiện quyền bầu tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ; phần 2: Danh sách ứng cử viên Ban Kiểm soát được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, có ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

Khi nhận phiếu bầu, cổ đông phải kiểm tra lại xem tổng số cổ phần ghi trên tờ phiếu bầu có đúng bằng số cổ phần mình đã đăng ký hay không và/hoặc tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện có đúng và đủ theo phương thức bầu dồn phiếu không. Nếu không đúng thì đề nghị ngay với Ban Kiểm phiếu kiểm tra và xác nhận lại.

Cách thức biểu quyết: Dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy

ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền bầu cử; Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác; Cổ đông có thể ký tên và ghi rõ họ tên vào Phiếu bầu. Sau khi hoàn thành tất cả các nội dung cần biểu quyết, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu đã được chuẩn bị sẵn.

- Phiếu bầu không hợp lệ là: phiếu không do Ban tổ chức phát hành, phiếu có gạch xóa, sửa chữa nội dung mà không có xác nhận. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền.

- Đối với biểu quyết bầu cử thành viên Ban Kiểm soát: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu và đại diện của cổ đông nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát. Tổng số phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện của Cổ đông x 3 (3 là số lượng thành viên bầu vào Ban Kiểm soát). Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ trên cao xuống thấp và đạt tỷ lệ phiếu bầu từ 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng cần bầu.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao (nếu có).

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

8264
CÔNG TY
PHẦN
THÔNG
VINA
NAM
1-T.P.Y

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ ông ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:



a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

d) Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên Hội đồng quản trị; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban Kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào Biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc, sau khi đã trao đổi trước với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty về kế hoạch thực hiện.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là

thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung

phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành đảm bảo tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị đảm bảo tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.



Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam bao gồm 7 chương và 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2023.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hữu Thành

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

Ngày 20/3/2023, tại Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam (địa chỉ: xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0100682645), Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam đã được tiến hành họp với sự tham dự của cổ đông và đại diện được ủy quyền, đại diện cho cổ phần phổ thông, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị.

- * Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%
- * Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%
- * Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Tổng doanh thu: 193,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1,15 tỷ đồng

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Tổng doanh thu: 190,0 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2,5 tỷ đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: 5%
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 4,0%

- * Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%
- * Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%
- * Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.

- * Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%
- * Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%
- * Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 4: Thông qua về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023, cụ thể:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

STT	CHỈ TIÊU	MÃ	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại ngày 31/12/2022	50	1.517.449.686
2	Chi phí thuế TNDN phải nộp	51	358.174.820
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN tại ngày 31/12/2022	60	1.159.274.866
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tại 31/12/2022	421a	4.507.076
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2022	421	1.163.781.942
6	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022		1.163.781.942
6.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 3,5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ((6)*3,5%)		40.732.368
6.2	Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty (=32,1% mức thù lao kế hoạch đề ra năm 2022)		70.000.000
6.3	Chi trả cổ tức với tỷ lệ 2,12%/cổ phiếu, tương đương 212 đồng/cổ phiếu (212 đồng * cổ phiếu đang lưu hành là 4.940.000)		1.047.280.000
6.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển kỳ sau	421	5.769.574

2. Về kế hoạch thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2023.

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm

2023 thì thù lao HĐQT & BKS bằng 120.000.000 đồng.

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02%; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT & BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2023 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);

- Thù lao HĐQT & BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức hoàn thành kế hoạch.

- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 5: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023:

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 6: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, với nội dung sau:

Nhất trí chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC tiếp tục tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đảm bảo về chất lượng kiểm toán, chi phí hợp lý và dịch vụ hỗ trợ tư vấn...

Trong trường hợp đơn vị kiểm toán trên không đáp ứng, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại có tên trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng, trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty.

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 7: Thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đã có đơn xin từ nhiệm, gồm:

1. Ông Trịnh Văn Hiền, Thành viên

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan, Thành viên

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 8: Thông qua Quyết định thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 9: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 10: Thông qua Quyết định thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Điều 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông Telvina Việt Nam.

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Đại hội giao cho Hội đồng quản trị quyền quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty kể từ khi kết thúc Đại hội này cho đến kỳ Đại hội lần sau.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Nghị quyết của Đại hội:

* Tỷ lệ biểu quyết Tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không tán thành:%

* Tỷ lệ biểu quyết Không có ý kiến:%

Nghị quyết sẽ được lưu giữ tại Hồ sơ của Đại hội tại trụ sở chính của Công ty như những tài liệu quan trọng của Công ty.

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TN NĂM 2023

Nguyễn Thanh Hải

0100
C
C
VI
T
VI
SIAL



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Họp ngày 20 tháng 3 năm 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT TÁN THÀNH

Mã số đăng ký:

120

Họ và tên người dự họp: NGUYỄN VĂN A

Tổng số phiếu biểu quyết:

8 000

Trong đó:

- Số phiếu thuộc sở hữu của người dự họp:

5 000

- Số phiếu được ủy quyền:

3 000

gồm số phiếu đại diện cho cổ đông:

Tên cổ đông	Số CP ủy quyền
TRẦN VĂN B	1 000
PHẠM VĂN C	2 000



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Họp ngày 20 tháng 3 năm 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT KHÔNG TÁN THÀNH

Mã số đăng ký:

120

Họ và tên người dự họp: NGUYỄN VĂN A

Tổng số phiếu biểu quyết:

8 000

Trong đó:

- Số phiếu thuộc sở hữu của người dự họp:

5 000

- Số phiếu được ủy quyền:

3 000

gồm số phiếu đại diện cho cổ đông:

Tên cổ đông	Số CP ủy quyền
TRẦN VĂN B	1 000
PHẠM VĂN C	2 000



Telvina ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Họp ngày 20 tháng 3 năm 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT KHÔNG CÓ Ý KIẾN

Mã số đăng ký:

120

Họ và tên người dự họp: NGUYỄN VĂN A

Tổng số phiếu biểu quyết:

8 000

Trong đó:

- Số phiếu thuộc sở hữu của người dự họp:

5 000

- Số phiếu được ủy quyền:

3 000

gồm số phiếu đại diện cho cổ đông:

Tên cổ đông	Số CP ủy quyền
TRẦN VĂN B	1 000
PHẠM VĂN C	2 000